

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

SỞ TƯ PHÁP T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÔNG VĂN BẢN

Số: 2522

Ngày 19/9/2011

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1493/TTr-STNMT-TTCNTT ngày 23/8/2011 v/v ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ, website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (vụ Pháp chế);
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- TTr, TU, TTrHĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Sở, ban ngành;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Đài PT-TH; Báo BR-VT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu VT-TH.



Trần Ngọc Thời

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm
2011 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, tài nguyên biển đảo (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và người Việt nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp trong thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhằm phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học và giáo dục - đào tạo.

Điều 3. Chính sách khuyến khích

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu và hiến tặng các dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình thu thập để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong toàn tỉnh.

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường giao nộp và lưu trữ phải là các bản chính, bản gốc, bao gồm các tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ

theo quy định (dạng giấy hoặc dạng số). Dữ liệu về tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai:

a) Hồ sơ, số liệu về phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; điều tra về giá đất;

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, dồn điền đổi thửa, đăng ký biến động đất đai và thực hiện các quyền của người sử dụng đất;

d) Hồ sơ địa chính.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước:

a) Bộ dữ liệu về số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;

d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;

đ) Hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, thay đổi thời hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào thải nguồn nước, trám lấp giếng khoan;

e) Số liệu điều tra đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước, suy thoái, nhiễm mặn, ô nhiễm cạn kiệt nguồn nước mặt, nước dưới đất, danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, nhiễm mặn, suy thoái cạn kiệt, vùng hạn chế khai thác, khu vực cần bảo vệ tài nguyên nước;

f) Bộ dữ liệu điều tra cơ bản quy hoạch Tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

g) Các bản đồ lưu vực sông, các bản đồ đặc trưng các sông, hồ, đầm phá;

h) Bản đồ địa chất thủy văn cho các tầng chứa nước, cấu trúc chứa nước, các hệ thống chứa nước;

i) Số liệu điều tra đánh giá, lập bản đồ tài nguyên nước, các bản đồ chuyên đề tài nguyên nước;

j) Số liệu điều tra, xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất;

k) Số liệu điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải vào nguồn nước;

l) Số liệu điều tra, đánh giá cảnh báo các diễn biến bất thường về tài nguyên nước, các tác hại do nước gây ra;

m) Dữ liệu điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước;

n) Các số liệu hệ thống mạng quan trắc nước dưới đất qua các năm, giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản:

a) Thống kê trữ lượng khoáng sản;

b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản;

c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản;

d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;

đ) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;

e) Hồ sơ cấp, quy hoạch, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường:

a) Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường;

b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;

c) Hồ sơ, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường;

d) Hồ sơ, giấy phép quản lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường (gồm: sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải nguy hại), nhập khẩu phế liệu;

đ) Hồ sơ các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;

e) Hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan quản lý chất thải nguy hại có ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội chưa được công bố hoặc không công bố;

g) Thông tin dữ liệu về quan trắc môi trường, báo cáo hiện trạng môi trường;

h) Hồ sơ, giấy xác nhận thực hiện các nội dung và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường; hồ sơ thẩm định báo cáo, đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư và cơ sở sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn:

- a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô dôn;
- b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;
- c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;
- d) Hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, thay đổi thời hạn, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động khí tượng thủy văn;
- e) Các đề tài nghiên cứu chuyên ngành khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ:

- a) Thông tin tư liệu về hệ quy chiếu quốc gia; hệ thống các điểm cơ sở quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở;
- b) Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ;
- c) Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác;
- d) Hệ thống thông tin địa lý;
- đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ; hồ sơ các dự án về đo đạc và bản đồ;
- e) Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác.

7. Dữ liệu về tài nguyên biển đảo:

- a) Quy hoạch không gian và phân vùng phát triển biển đảo;
- b) Tài nguyên biển đảo: dầu khí, nguồn lợi thủy sản, tài nguyên muối và các hoá phẩm biển, các tài nguyên khác;
- c) Môi trường biển: chất lượng mặt nước ven biển, hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái đất ngập nước ven biển, hệ sinh thái san hô, các loài thủy sinh biển;
- d) Kinh tế biển;
- e) Tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên biển đảo;
- f) Bảo vệ chủ quyền biển, đảo;
- h) Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

8. Dữ liệu về hồ sơ thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

9. Các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh đã ban hành về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

10. Hồ sơ, kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phân cấp về việc quản lý, thu thập, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường tại tỉnh bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý;

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường cấp huyện do Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xây dựng, lưu trữ, quản lý;

c) Dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã do UBND cấp xã thu thập, lưu trữ và quản lý;

d) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần của tỉnh là tập hợp toàn bộ các dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của các Sở, ban, ngành do các Sở, Ban, ngành xây dựng và quản lý.

Điều 6. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh

1. Là tập hợp thống nhất toàn bộ dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn tỉnh được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia trên cơ sở tích hợp cơ sở dữ liệu của từng lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường, được số hóa để có thể cập nhật, quản lý, khai thác bằng hệ thống công nghệ thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng lưu trữ và quản lý cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

3. Nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;

c) Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử

lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định;

d) Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của Sở và của tỉnh; biên tập, phát hành thông tin tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;

đ) Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Các Sở, Ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các tổ chức, cá nhân có dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh nhằm thống nhất trong quản lý khai thác và công bố dữ liệu tài nguyên môi trường.

Điều 7. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện

1. Là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi cấp huyện quản lý, được thu thập từ các phòng, ban và UBND cấp xã để đưa vào cập nhật, lưu trữ và quản lý theo quy định.

2. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện là Phòng Tài nguyên và Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì có trách nhiệm giúp UBND huyện trong việc xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

3. UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy chế này.

Điều 8. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp xã

Dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã do UBND cấp xã thu thập, quản lý, sử dụng trên địa bàn và có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và tỉnh.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường thành phần

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần là toàn bộ các dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn thu thập quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các Sở, Ban, ngành tỉnh có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của mình.

3. Các Sở, Ban, ngành tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu ở đơn vị mình; đồng thời có trách nhiệm

cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Chương III

THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Lập kế hoạch thu thập

1. Việc lập kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo dữ liệu thu thập được chính xác, đầy đủ, có hệ thống nhằm phục vụ kịp thời công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của cấp tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Các Sở, ban, ngành của tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật (nếu có), đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch theo Quy chế này.

Điều 11. Thực hiện kế hoạch

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Việc thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả.

3. Hình thức thu thập dữ liệu: nhận trực tiếp hoặc các hình thức khác theo kế hoạch được lập hàng năm.

Điều 12. Kiểm tra, đánh giá xử lý dữ liệu

1. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu khi thu thập.

3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường được biên tập, chỉnh sửa, sắp xếp, tổng hợp và xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa dữ liệu để đưa vào lưu trữ, bảo quản.

Điều 13. Giao nhận dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy chế này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để xây dựng, thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy chế này.

3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định thuộc loại quản lý lưu trữ ở tỉnh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện giao nộp cho đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường phân công quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường chậm nhất không quá 01 năm kể từ khi hồ sơ được phê duyệt và hoàn thiện. Trường hợp quá 01 năm nhưng chưa bàn giao dữ liệu tài nguyên và môi trường vào lưu trữ thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Điều 14. Lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định. Tùy theo loại dữ liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu. Dữ liệu tài nguyên và môi trường có thể sắp xếp theo các tiêu chí khác nhau nội dung bao gồm:

1. Hồ sơ đo đạc bản đồ địa chính là toàn bộ kết quả giao nộp theo quy định về đo đạc thành lập bản đồ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường và phương án thi công (đối với từng dự án).

2. Các loại sổ sách địa chính: sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi biến động đất đai; bản lưu, bản sao giấy chứng nhận; hồ sơ đăng ký biến động đất đai.

3. Hồ sơ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, báo cáo thuyết minh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quyết định phê duyệt của cấp thẩm quyền, các văn bản và tài liệu khác kèm theo.

4. Các quyết định, gia hạn, thu hồi, cấp phép trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; tài liệu lưu trữ là toàn bộ hồ sơ và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Dữ liệu về kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo: là toàn bộ hồ sơ giải quyết vụ việc và quyết định giải quyết có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

7. Hồ sơ số liệu, kết quả thống kê, kiểm kê đất đai, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá. Dữ liệu được lưu trữ là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt (có đóng dấu xác nhận).

8. Đối với kết quả của các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ kết quả nộp lưu theo quy định về quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

Chương IV

CUNG CẤP, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Quy định về cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường: các Sở, Ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp danh mục và dữ liệu tài nguyên và môi trường có liên quan đến quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các dữ liệu tài nguyên và môi trường khi cung cấp cho cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường cấp tỉnh.

3. Trung Tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, số hóa dữ liệu thu thập được và các dữ liệu khác từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

Điều 16. Nguyên tắc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc cung cấp, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Phục vụ công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan.

3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng.
4. Bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và có hệ thống.
5. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích.
6. Khi khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính trừ các trường hợp khác do pháp luật quy định.
7. Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật của nhà nước.

Điều 17. Hình thức khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.
2. Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu và bên khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.
3. Khai thác và sử dụng dữ liệu qua mạng INTERNET.

Điều 18. Thủ tục cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Đối với thủ tục cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên mạng INTERNET, trang điện tử phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường; các quy định của Luật giao dịch điện tử, Luật công nghệ thông tin.

2. Đối với việc cung cấp bằng phiếu yêu cầu hoặc hợp đồng

Cơ quan, tổ chức có nhu cầu cung cấp thông tin tài nguyên và môi trường phải có công văn đề nghị hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đó và ghi rõ nội dung, mục đích của việc khai thác thông tin gửi cho đơn vị cung cấp thông tin.

Đối với công dân có nhu cầu cung cấp thông tin tài nguyên và môi trường liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình thì phải có giấy tờ tùy thân hợp lệ kèm theo phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, trên phiếu ghi rõ các thông tin cần cung cấp.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại điểm a,b,c khoản 2 Điều 5 quy chế này.

Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu theo nội dung yêu cầu.

Việc khai thác sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo các quy định của Nhà nước.

3. Không thực hiện việc cung cấp thông tin trong trường hợp phiếu yêu cầu cung cấp thông tin không hợp lệ, không đúng thẩm quyền; sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; mục đích sử dụng dữ liệu không phù hợp theo quy định; không thực hiện nghĩa vụ tài chính.

4. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

Việc cung cấp các loại dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo đúng quy định, yêu cầu;

Tần suất, thời gian cung cấp dữ liệu bằng hình thức gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử thực hiện theo quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý các Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định;

Cung cấp dữ liệu theo định kỳ: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12); cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành có trách nhiệm cung cấp dữ liệu một năm/1 lần (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12).

Điều 19. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

Tuân thủ các nguyên tắc cung cấp khai thác và sử dụng dữ liệu quy định tại Điều 15, 16 của quy chế này.

Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng trừ trường hợp đã có thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp thông tin.

Người được cung cấp thông tin phải trả tiền sử dụng thông tin và tiền dịch vụ cung cấp thông tin theo quy định.

Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 20. Xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường đã điều tra thu thập trước ngày quy chế này có hiệu lực thi hành

Nhằm thống nhất trong công tác thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, UBND các cấp đang quản lý và lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được xây dựng, điều tra, thu thập bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trước ngày quy chế này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

1. Trường hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân và UBND các cấp đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 9 tháng, kể từ ngày quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường chưa được nghiệm thu, đánh giá hoặc đang triển khai thực hiện. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đã được Nhà nước cấp kinh phí để điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, nghiệm thu, đánh giá các dữ liệu và đưa vào sử dụng theo quy chế này. Thời hạn nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường cấp tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là 06 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

3. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải cung cấp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy chế này.

Chương V

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Kiểm tra

Công tác kiểm tra thực hiện quy định thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu huỷ trái phép, làm hư hỏng dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trái với quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp trong thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

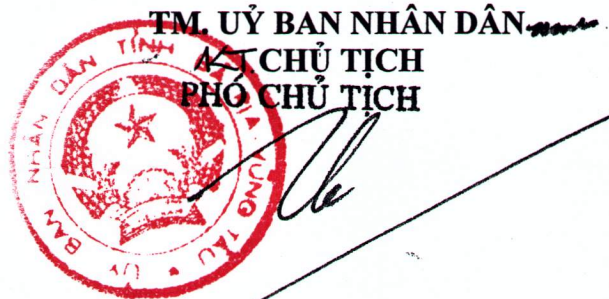
Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy chế này.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



Trần Ngọc Thời